

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9 - 2019

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Tiến;

2. Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân- là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 765/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T**, sinh năm 1986. (có mặt)

HKTT: Thôn 2, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Ấp TL, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn: Ông Trần Văn S**, sinh năm 1985. (vắng mặt).

HKTT: Thôn 2, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Ấp TL, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Hoàng Thị T thể hiện:

Bà T và ông Trần Văn S tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An vào ngày 20/02/2008. Vợ chồng sống chung đến nay được 11 năm, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông S thường xuyên uống rượu, đánh bài, bà đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng không còn sống chung. Nay bà xác định cuộc

sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn S.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 06/10/2008, hiện cháu đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. và không có ý kiến trình bày.

Các tài liệu, chứng cứ mà đương sự cung cấp gồm: Bản tự khai ngày 29/7/2019 và đơn đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải ngày 29/7/2019 của bà T, bản sao giấy khai sinh con chung, bản sao trích lục kết hôn số 142/TLKH-BS ngày 29/5/2018, đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 11/7/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hoàng Thị T nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Văn S có địa chỉ tạm trú tại xã M, huyện Đ nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải. Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Tài theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử: Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo của bà Hoàng Thị T thì bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông Trần Văn S. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của bà T.

[4] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Thị T và ông Trần Văn S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An nên đây là

quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, nguyên nhân do ông S thường xuyên uống say, đánh bài, bà đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông S vẫn không thay đổi. Bị đơn ông S vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Ông S đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, chứng tỏ ông S không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn trong quan hệ hôn nhân, không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngược lại bà T xác định tình cảm vợ chồng với ông S không còn, không còn sống chung nên cương quyết yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 06/10/2008. Bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Xét thấy tại bản khai, cháu K trình bày đang sống chung với mẹ và có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Bị đơn ông S vắng mặt không có ý kiến trình bày điều đó chứng tỏ ông S không có quan tâm đến việc này. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về tâm lý và phát triển bình thường của cháu K, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng do bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu giải quyết, ông S vắng mặt và không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Hoàng Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Trần Văn S.

Về con chung: Bà Hoàng Thị T được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 06/10/2008, giới tính: Nam. Ông Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Hoàng Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà T, ông S, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003177 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí.

Bà Hoàng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung